TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/KDTM – ST.
Ngày: 04/6/2020.
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2019/TLST – KDTM, ngày 22/10/2019 về "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74.1/2020/QĐXXST – KDTM, ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C.

Trụ sở chính: Số 37 đường T, phường B, Quận A, Thành phố H (Tầng 28, cao ốc S).

Đại diện theo pháp luật có ông W – chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông N, sinh năm 1995 (Giấy ủy quyền số 114.2019/GUQ-COL, ngày 03 tháng 10 năm 2019) (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn:

Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S.

Địa chỉ: Số 98 - 100 đường D, Phường B, quận C, Thành phố H;

Đại diện theo pháp luật có ông L – chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Ông L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 100 đường D, Phường B, quận C, Thành phố H (vắng mặt).

2- Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 643/41 C2 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019 và đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 09/3/2020, nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C (sau đây gọi tắt là Công ty C) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N trình bày:

Do Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S (gọi tắt là Công ty S) có nhu cầu sử dụng phương tiện vận tải để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C tài trợ tài chính nên vào ngày 25/06/2019, hai bên đã ký Hợp đồng cho thuê tài chính số B190627201 (sau đây gọi tắt là "*Hợp đồng thuê*"). Theo đó, tài sản mà Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S có nhu cầu thuê tài chính là 01 (một) xe ô tô con, biển số: 50LD-132.27, nhãn hiệu: BMW, mã kiểu loại: 4V11, tên thương mại: 420i, số khung: WBA4V11020EN83713, số máy: F9133221B48B20A, màu: trắng, năm sản xuất: 2018 (sau đây gọi tắt là "*Tài sản thuê*").

Ngoài ra, để đảm bảo cho việc nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của bên thuê trong Hợp đồng thuê, Công ty C có chấp nhận Thư bảo lãnh thanh toán của ông L và ông Nguyễn Đức A ký ngày 25/06/2019.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 29/06/2016, Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C đã ký hợp đồng mua bán số B190627201-PC với Chi nhánh BMW Phú Mỹ Hưng – Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải để mua Tài sản thuê nêu trên với giá là 2.850.000.000 đồng. Ngày 04/07/2019, Công ty S đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản.

Tài sản thuê được cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 460003 ngày 03/07/2019.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 3.129.900.000 đồng. Công ty C tài trợ toàn bộ số tiền 3.129.900.000 đồng ("*Giá trị thuê*").

Hàng tháng, Công ty S phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê. Trước khi Công ty S trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu … đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của hợp đồng thuê, nếu Công ty S vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty S bồi thường thiệt hại (nếu có).

Hợp đồng thuê được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/07/2019.

Thời hạn thuê của hợp đồng thuê là 60 tháng, kể từ ngày 04/07/2019.

Lãi suất thuê được áp dụng cho hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại thông báo bắt đầu thuê mà Công ty C đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp

dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Kể từ khi Hợp đồng thuê được kí kết, Công ty S không thanh toán cho Công ty C bất kì khoản tiền thuê nào. Công ty C đã nhiều lần liên lạc với người đại diện theo pháp luật của Công ty S, cũng như đến trực tiếp trụ sở nhưng trụ sở hiện đã đóng cửa, không có dấu hiệu hoạt động và người đại diện theo pháp luật cũng không phản hồi lại.

Do Công ty S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của hợp đồng thuê nên vào ngày 20/08/2019, Công ty C đã phát hành thông báo về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, yêu cầu Công ty S thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo hợp đồng thuê tính đến ngày 22/08/2019 (ngày chính thức chấm dứt hợp đồng thuê) là 4.003.222.475 đồng.

Ngày 26/08/2019, Công ty C phát hành thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê. Theo đó, yêu cầu ông L và ông Nguyễn Đức A thanh toán cho Công ty C số tiền mà Công ty S còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay, ông L và ông Nguyễn Đức A chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty C.

Ngày 16/09/2019, Công ty C phát hành thông báo về việc yêu cầu tự nguyện giao trả Tài sản thuê, yêu cầu Công ty S giao trả tài sản thuê nêu trên trước ngày 23/09/2019. Nhưng cho đến nay, Công ty S chưa thực hiện việc giao trả tài sản thuê cho Công ty C.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện vụ án ra Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty C số tiền thuê mà Công ty S còn nợ (tạm tính đến ngày 03/10/2019) là 4.020.575.501 đồng.

Trong đó bao gồm:

Nợ gốc là: 3.129.900.000 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 22/08/2019 là 873.322.475 đồng.

Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 23/08/2019 đến 04/6/2020 là 124.281.343 đồng.

Buộc Công ty S thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 04/6/2020 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S không thanh toán được số tiền thuê còn nợ, buộc ông L và ông Nguyễn Đức A thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S đăng ký địa chỉ trụ sở chính tại số 98 - 100 đường D, Phường B, quận C, Thành phố H. Theo kết quả xác minh của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S chưa đăng ký giải thể.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L và ông Nguyễn Đức A. Qua kết quả xác minh của công an Phường 5, quận Gò Vấp thì ông Hòa có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ số 100 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bỏ đi đâu không rõ và kết quả xác minh của công an Phường 26, quận Bình Thạnh thì ông Đức Anh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 643/41 C2 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa phương.

Do đó, Tòa án đã triệu tập đại diện theo pháp luật của Công ty S, ông Hòa, ông Đức Anh đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên đại diện theo pháp luật Công ty S, ông Hòa, ông Đức Anh vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò vấp:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các Điều 70, 72, và 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty C khởi kiện Công ty S về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Cả hai công ty đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Công ty S có địa chỉ trụ sở chính tại quận Gò Vấp. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo pháp luật của Công ty S, ông L, ông Nguyễn Đức A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với thủ tục được quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ:

- Lời trình bày của đại diện nguyên đơn;

- Hợp đồng cho thuê tài chính số B190627201 ngày 25/6/2019 và phụ lục 01" giữa Công ty S với Công ty C;

- Chứng thư bảo lãnh cá nhân của ông L, và ông Nguyễn Anh Đức;

- Hợp đồng mua bán số B190627201-PC ngày 29/6/2016 giữa bên mua là Công ty C, bên bán là chi nhánh BMW Phú Mỹ Hưng – Công ty CP ô tô Trường Hải và bên sử dụng là Công ty S;

- Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 04/7/2019;

- Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 03/7/2019 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Và các thư yêu cầu thanh toán có trong hồ sơ vụ án.

Đã thể hiện vào ngày 25/6/2019, Công ty S thuê của Công ty C tài sản là 01 (một) xe ô tô con, biển số: 50LD-132.27, nhãn hiệu: BMW, mã kiểu loại: 4V11, tên thương mại: 420i, số khung: WBA4V11020EN83713, số máy: F9133221B48B20A, màu: trắng, năm sản xuất: 2018 với giá trị gốc là 3.135.000.000 đồng.

Lãi suất thuê trước ngày bắt đầu thuê với lãi suất cố định là 9,12%/365 ngày, 9,00%/360 ngày. Lãi suất thuê sau ngày bắt đầu thuê với lãi suất cố định là 9,12%/365 ngày, 9,00%/360 ngày.

Kể từ khi ký hợp đồng Công Sa Ga Co không trả bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty C. Như vậy, Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng. Do đó, Công ty C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Sa Ga Co phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C tiền gốc và tiền lãi là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 290 và 744 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015)

Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty S phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền:

Nợ gốc là: 3.129.900.000 đồng.

Nợ lãi tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê 22/08/2019 là 873.322.475 đồng.

Nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 23/08/2019 đến 04/6/2020 là 124.281.343 đồng.

Tổng cộng: 4.126.603.818 đồng. Ngoài ra, đại diện nguyên đơn yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S còn phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán trong hợp đồng kể từ ngày 05/6/2020 cho đến khi trả dứt nợ cho Công ty C, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này có cơ sở nên chấp nhận.

Xét thư bảo lãnh thanh toán của ông L và ông Nguyễn Đức A Ký ngày 25/6/2019 thỏa thuận ông Hòa và ông Đức Anh đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 3.135.000.000đ mà Công ty S phải trả cho Công ty C. Do đó trong trường hợp Công ty S không thanh toán hết các khoản nợ cho Công ty C, ông Hòa và ông Đức Anh có nghĩa vụ phải thanh toán hết các khoản nợ còn thiếu cho Công ty C.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b, d khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 8 Điều 17, Khoản 4 Điều 20 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6,7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C đối với Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S:

Buộc Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S phải giao trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C số tiền 4.126.603.818 (bốn tỷ một trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm lẻ ba ngàn tám trăm mười tám) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 05/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp Công ty S không thanh toán hết các khoản nợ cho Công ty C, ông Hòa và ông Đức Anh có nghĩa vụ phải thanh toán hết các khoản nợ còn thiếu cho Công ty C.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần đầu tư thương mại xuất nhập khẩu S phải chịu 112.126.604 (một trăm mười hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm lẻ bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.010.288 (năm mươi sáu triệu không trăm lẻ mười nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001894 ngày 22/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến